

Số: 08/2024/CBTT

Bình Dương, ngày 17 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP
- Mã chứng khoán: BMJ
 - Địa chỉ: Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
 - Điện thoại liên hệ: 0274.3688.126 Fax: 0274.3688.125
 - E-mail: ahpminerals2019@gmail.com
 - Người thực hiện CBTT: Ông Nguyễn Bảo Long Chức vụ: Người đại diện theo pháp luật
 - Loại thông tin công bố: 24 giờ theo yêu cầu định kỳ bất thường

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 17/04/2024 tại đường dẫn: www.becamexbmj.com.vn/#enter/f/enter.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BẢO LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP
EASTERNS AHP MINERALS JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP NĂM 2023



I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700927878
- Vốn điều lệ : 1.049.999.780.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 1.049.999.780.000 đồng.
- Địa chỉ: 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Số điện thoại : 0274 3688 126
- Số fax : 0274 3688 125
- Website : www.becamexbmj.com.vn
- Email : ahpminerals2019@gmail.com
- Mã cổ phiếu : BMJ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp khai thác khoáng sản thuộc Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp - CTCP, viết tắt là Becamex IDC Corp.) theo Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 05/3/2008 của UBND tỉnh Bình Dương với tên Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex.

Ngày 22/12/2009, cổ phiếu BMJ chính thức giao dịch đầu tiên trên thị trường Upcom, với số cổ phiếu đăng ký giao dịch là 6.000.000 cổ phiếu.

Năm 2010, Công ty bắt đầu góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình (viết tắt là ABG). Đến năm 2012, tổng số vốn góp là 9 tỷ, chiếm 60% vốn điều lệ ABG.

Ngày 02/6/2014, Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC) mua 4.479.600 cổ phiếu BMJ từ Becamex IDC Corp và chính thức trở thành Công ty mẹ của Công ty.

Ngày 01/7/2015, Công ty chuyển nhượng toàn bộ 900.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình (ABG) cho Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Ngày 16/11/2015, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700927878 (cấp thay đổi lần thứ 1) thay đổi Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật.

Ngày 22/5/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700927878 (cấp thay đổi lần thứ 2) chính thức đổi tên Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Ngày 21/6/2019, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Giấy phép khai thác khoáng sản số 61/GP-UBND ngày 21/6/2019 cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP với diện tích khu vực khai thác là 37.3ha, mức sâu khai thác đến cote -20m.

Ngày 18/02/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700927878 (cấp thay đổi lần thứ 4) thay đổi Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật.

Ngày 09/07/2020, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700927878 (cấp thay đổi lần thứ 5) thay đổi Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật.

Tháng 2 năm 2021, Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã không thực hiện quyền mua mà thực hiện bán quyền mua cổ phiếu trong đợt

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP (BMJ), qua đó ACC đã giảm tỷ lệ sở hữu tại BMJ sau khi BMJ kết thúc đợt chào bán.

Từ tháng 2/2021 đến thời điểm hiện tại, Công ty không có công ty mẹ, không có những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.

Ngày 20/4/2021, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700927878 (cấp thay đổi lần thứ 6) thay đổi vốn điều lệ (từ 60 tỷ lên 300 tỷ).

Tháng 5 năm 2022, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên thành 1.049.999.780.000 đồng.

Ngày 27/6/2022, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700927878 (cấp thay đổi lần thứ 7) thay đổi vốn điều lệ (từ 300.000.000.000 đồng lên 1.049.999.780.000 đồng).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Chi tiết: Khai thác khoáng sản trừ khai thác cát) và các ngành nghề kinh doanh khác như: vận tải hàng hóa; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê...

Địa bàn kinh doanh: địa bàn tỉnh Bình Dương và các vùng lân cận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Ban Tổng giám đốc, và các phòng ban chuyên môn.

Cơ cấu bộ máy quản trị:



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Các công ty con, công ty liên kết: không có.

4. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Giữ vững thị trường truyền thống và luôn phát triển thêm thị trường mới.

Khai thác khoáng sản là ngành kinh doanh chủ lực, trọng yếu và là điều kiện để phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác.

Đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như dịch vụ tốt nhất với tinh thần trách nhiệm cao nhằm đem lại lợi ích cao nhất đến khách hàng.

Tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới để nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo thế ổn định và phát triển cho Công ty.

Nghiên cứu ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật mới, phát huy sáng kiến cải tiến đưa ra những giải pháp mới, hữu ích nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công tác.

Nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động làm việc đảm bảo môi trường làm việc tốt và an tâm công tác tại Công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Triển khai hiệu quả Dự án mở rộng, công trình khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo, nhằm đáp ứng mức công suất khai thác đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp phép. Tuân thủ quy định của pháp luật đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nghiên cứu phát triển thêm các ngành nghề khác nhằm mang lại lợi ích lâu dài cho Công ty.

Đầu tư và nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng được mọi nhu cầu của khách hàng cũng như mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

Giữ vững vị thế của Công ty trên thị trường, sẵn sàng hợp tác với tất cả các khách hàng để hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả tối ưu.

Bằng trách nhiệm với xã hội và cộng đồng, Công ty cam kết tích cực tham gia đầy đủ các hoạt động xã hội, các chương trình tài trợ nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân xung quanh mỏ cũng như đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương và toàn xã hội.

Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Công ty luôn duy trì mức khai thác nguồn tài nguyên trong mức giới hạn cho phép, không làm thoái hóa các khu vực quanh mỏ cũng như việc lạm dụng hóa chất độc hại trong công tác khai thác, không gây ô nhiễm môi trường cũng như nguồn nước sử dụng trong khu vực.

Cần trọng trong việc lựa chọn công nghệ kỹ thuật áp dụng vào công tác khai thác mỏ nhằm nâng cao chất lượng cũng như kế hoạch mở rộng quy mô khai thác, sản xuất của Công ty.

Đảm bảo các biện pháp bảo vệ sức khỏe cũng như an toàn cho người lao động làm việc tại Công ty và cộng đồng xung quanh mỏ.

Đối xử công bằng, tôn trọng quyền riêng tư, nhân phẩm, văn hóa, tập quán của người lao động tham gia hoạt động sản xuất tại Công ty.

Quan tâm, đóng góp và chia sẻ với tinh thần hướng tới chung tay vì cộng đồng là mang lại lợi ích cho cộng đồng.

Luôn tôn trọng và cam kết thực hiện kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường. Để đạt được điều này Công ty cam kết thực hiện tuân thủ các yêu cầu luật định và các yêu cầu khác liên quan đến bảo vệ môi trường; Thực hiện việc khảo sát, đo đạc, giám sát chất lượng môi trường định kỳ (Quý). Rác thải được phân loại và thu gom xử lý.

5. Các rủi ro:

Rủi ro pháp luật:



Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký trên hệ thống giao dịch Upcom, vì vậy hoạt động của Công ty chịu nhiều sự điều chỉnh từ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành khác. Với mảng kinh doanh chính là khai thác khoáng sản, đồng thời đã mở rộng sang lĩnh vực xây dựng hạ tầng, kỹ thuật, công nghiệp và xây dựng nên hoạt động của Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật về khoáng sản và xây dựng. Vào năm 2023 nhiều văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Công ty được sửa đổi, bổ sung, do đó để hạn chế những rủi ro phát sinh, Công ty luôn tìm hiểu, nghiên cứu và cập nhật thường xuyên các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Rủi ro môi trường:

Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có sản lượng hạn chế, việc khai thác phụ thuộc vào nhiều yếu tố môi trường gây ra rủi ro tiềm ẩn đối với hoạt động khai thác đem lại doanh thu chính của Công ty. Đặc biệt do đặc thù khai thác khoáng sản, nên tình trạng bụi đá trong không khí vào mùa khô là khó tránh khỏi. Để giảm bớt các



yếu tố kể trên đến môi trường, Công ty luôn chú trọng đến các biện pháp xử lý như tưới nước và bảo hộ lao động, nghiên cứu các giải pháp và công nghệ nhằm hạn chế tối đa bụi đá gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và tác động xấu đến môi trường xung quanh.

Rủi ro về thị trường xây dựng và Bất động sản: Thị trường xây dựng và bất động sản tiềm ẩn nhiều yếu tố xung quanh như: biến động giá nguyên vật liệu, cung cầu thị trường, chính sách của các Ngân hàng... Bất kỳ thay đổi đột ngột nào cũng có khả năng làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, sản xuất, thi công của Công ty. Do đó, Ban điều hành phải luôn tính toán, dự liệu các trường hợp phát sinh để có kế hoạch sản xuất kinh doanh linh hoạt, phù hợp nhất từng giai đoạn.

Rủi ro khác: Các rủi ro như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, ... là những rủi ro bất khả kháng. Trong thực tế thì những rủi ro này rất ít gặp nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để hạn chế những rủi ro này, bên cạnh việc trang bị các thiết bị lao động, phòng cháy chữa cháy Công ty tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm cho nhân viên và máy móc thiết bị.





**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM 2023**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023:

Năm 2023 là năm đầy khó khăn của thị trường bất động sản và ngành xây dựng nói chung, các công trình, dự án dự kiến triển khai thi công bị đình trệ, dẫn đến hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng và gặp khó khăn, kế hoạch kinh doanh bị chậm lại chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, nỗ lực của Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023
1	Sản xuất đá các loại	Tấn	868.207	1.180.000	1.515.314
2	Tiêu thụ đá các loại	Tấn	887.830	1.170.000	1.583.880
3	Tổng doanh thu	Đồng	211.910.411.488	660.580.000.000	476.856.537.113
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	32.935.375.107	106.386.000.000	65.834.795.086
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	26.060.816.277	85.108.800.000	52.667.707.418

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

2. Tổ chức và nhân sự

Ban điều hành Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP

NGUYỄN BẢO LONG

Chức vụ : Tổng giám đốc – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh : 15/3/1996

Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản lý kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ 6/2018 – 11/2018: nhân viên Công ty xuất khẩu lao động Nhật Bản Hinode Việt Nam.

Từ 1/2019 – 5/2019: nhân viên Viettel Post chi nhánh Nguyễn Công Trứ - Hà Nội.

Từ 6/2019 – 8/2019: Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội.

Từ 8/2019 – 02/2020: Nhân viên phòng QLTC Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Từ 3/2020 – 08/7/2020: Phó TGD kinh doanh Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Từ 03/7/2020 – nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Từ 3/2020 – 27/7/2020: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình.

Từ 27/7/2020 – nay: Phó TGD Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình.

Từ 28/6/2020 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Từ 28/6/2020 – 28/3/2021: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ ngày 29/3/2021 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2023): Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình.

Số cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 25/3/2024): 0 cổ phần.

ĐÀO HUỖNH KIM

Chức vụ : Kế toán trưởng
Ngày sinh : 16/01/1982
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

Từ tháng 2007 - 5/2008: Công tác tại Công ty TNHH in số 28.
Từ tháng 6/2008 - 11/11/2010: Công tác tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex.
Từ 12/11/2010 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình.
Từ 28/3/2021 - nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.
Từ 23/4/2021 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng Sản Miền Đông AHP.
Số cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 25/3/2024): 3.500 cổ phần

Những thay đổi trong Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Bảo Long	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 03/07/2020
2	Bà Đào Huỳnh Kim	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 23/4/2021

Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty

STT	TÍNH CHẤT PHÂN LOẠI	NĂM 2023	TỶ LỆ
A	Theo trình độ	77	100
1	Đại học	12	15,58
2	Cao đẳng - Trung cấp	4	5,20
3	Khác	61	79,22
B	Theo tính chất Hợp đồng lao động	77	100
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	22	28,58
2	Hợp đồng xác định thời hạn 1 năm	55	71,42

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Trong năm 2023, Công ty đã đầu tư mới dây chuyền chế biến đá xây dựng, công trình phụ trợ và các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh tại mỏ đá Rạch Rạt với tổng giá trị trước thuế 43.455.522.814 đồng.

Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2023	% +/-
Tổng giá trị tài sản	1.258.197.194.958	1.530.477.706.607	121,64
Doanh thu thuần	200.613.152.592	454.133.802.239	226,37
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	33.156.893.445	58.244.777.615	175,66
Lợi nhuận khác	(221.518.338)	7.590.017.471	(3.426,36)
Lợi nhuận trước thuế	32.935.375.107	65.834.795.086	199,89
Lợi nhuận sau thuế	26.060.816.277	52.667.707.418	202,10

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ +/-
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	3,65	2,10	58%
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,73	1,63	223%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,11	0,24	218%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,13	0,31	238%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	0,45	2,39	531%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ +/-
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,16	0,3	188%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,13	0,12	92%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,05	250%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,03	150%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD /Doanh thu thuần	0,17	0,13	76%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**Thông tin cổ phần**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 104.999.978 cổ phần.
- Loại cổ phần : cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng.
- Tổng vốn chủ sở hữu : 1.049.999.780.000 đồng.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 1.049.999.780.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần.

Cơ cấu cổ đông (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 25/3/2024):

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
I	Cá nhân	317	100.520.378	95,73
1	Nước ngoài	4	64.000	0,06
2	Trong nước	310	56.492.671	53,80
3	Cổ đông lớn	3	43.963.707	41,87
II	Tổ chức	1	4.479.600	4,27
1	Nước ngoài	0	0	0
2	Trong nước	1	4.479.600	4,27
3	Cổ đông lớn	0	0	0
Tổng cộng		318	104.999.978	100

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Trong năm không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là khai thác khoáng sản. Quy trình sản xuất, công tác quản lý trong quá trình khai thác cũng như việc bảo vệ môi trường được Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP ưu tiên chú trọng. Việc quản lý nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất được kiểm soát chặt chẽ, tránh lãng phí.

6.2. Tiêu thụ năng lượng.

Năng lượng tiêu thụ chủ yếu tập trung ở công tác khai thác, sản xuất trực tiếp. Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc tiết kiệm năng lượng, Ban Tổng giám đốc luôn đề cao chính sách tiết kiệm năng lượng đối đa trong công tác sản xuất cũng như hoạt động làm việc của văn phòng như: hạn chế bật đèn và các máy móc khi không có nhu cầu sử dụng, sử dụng các trang thiết bị tiết kiệm điện hiệu quả cao... Đảm bảo được việc tiết kiệm điện sử dụng của Công ty vừa đảm bảo không lãng phí nguồn tài nguyên của đất nước.

Tổng lượng điện tiêu thụ năm 2023:

Điện (KWh)		Tỷ lệ 2023/2022
2022	2023	
2.696.800	3.739.200	138%

Lượng điện tiêu thụ năm 2023 tăng so với năm 2022 vì công ty lắp đặt thêm máy nghiền công suất lớn, sản lượng đá thành phẩm tăng nhiều so với năm 2022 dẫn đến điện tiêu thụ tăng.

6.3. Tiêu thụ nước

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP chủ yếu tập trung ở khu vực trụ sở Công ty, nguồn nước sử dụng chủ yếu từ giếng đào để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khu vực văn phòng sử dụng nước sạch để sinh hoạt là 3.434m³/năm.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP không có bất kỳ vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động tính đến 31/12/2023: 77 lao động.

Mức lương trung bình đối với người lao động trong năm 2023: 12.500.000 đồng

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong quá trình phát triển của Công ty, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm đến việc duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật lao động cũng như tạo điều kiện cho Công đoàn chăm lo cho người lao động nhằm đảm bảo được sức khỏe cũng như thúc đẩy tinh thần làm việc hiệu quả: bảo hiểm, công đoàn, bảo hộ lao động, chế độ nghỉ ngơi, ốm đau, thai sản, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ...

Công ty luôn duy trì công tác khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; thăm hỏi, hỗ trợ CNV gặp hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách; tặng quà các cháu thiếu nhi trong các dịp lễ thiếu nhi, luôn quan tâm đến phúc lợi của người lao động như: tặng quà cho người lao động nữ nhân dịp 8/3, 20/10; bồi dưỡng bằng hiện vật đối với công việc nặng nhọc, độc hại...

Ngoài chế độ tiền lương, Công ty luôn thực hiện đầy đủ và công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như: Lương tháng 13, thưởng Lễ – Tết...đảm bảo người lao động ở các bộ phận khác nhau được hưởng thu nhập tương xứng với công việc đảm nhận.

Hoạt động đào tạo người lao động:

Tổ chức tập huấn ATVSLĐ, tập huấn nổ mìn định kỳ mỗi năm. Công nhân trực tiếp khai thác, vận hành máy móc đã được đào tạo, tập huấn tại chỗ. Các cán bộ quản lý cũng được chú trọng cử đi tập huấn các khóa đào tạo ngắn ngày để nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn phục vụ tốt công tác.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Không có.

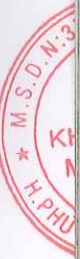
6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của

UBCKNN:

Không có.



**BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Với rất nhiều khó khăn xoay quanh các doanh nghiệp xây dựng, bất động sản, các công trình, dự án nói chung đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP, dù khối lượng sản xuất và tiêu thụ các loại đá, các chỉ tiêu về kinh doanh của năm 2023 đã vượt qua năm 2022, nhưng chưa đạt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

Đvt: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023
1	Sản xuất đá các loại	Tấn	865.518	868.207	1.515.314
2	Tiêu thụ đá các loại	Tấn	733.659	887.830	1.583.880
3	Tổng doanh thu	Đồng	82.810.444.078	211.910.411.488	476.856.537.113
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	22.191.666.508	32.935.375.107	65.834.795.086
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	19.073.521.197	26.060.816.277	52.667.707.418

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

- Tổng tài sản năm 2023 là 1.530.477.706. 607 đồng, vốn chủ sở hữu là 1.168.204.508.747 đồng.
- Công ty đã thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước (các loại thuế, phí, lệ phí) đúng theo quy định, với tổng số tiền là 33.225.471.482 đồng.
- Công ty thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh hoạt động bán hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ kết hợp công tác quản lý chi phí nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- Tổng lao động Công ty tính đến 31/12/2023 là 77 người. Công nhân lao động là thành phần chiếm đa số trong nhân sự của Công ty do đặc thù môi trường làm việc của ngành khai thác khoáng sản. Do đó, Công ty luôn chú trọng đảm bảo đời sống, thực hiện các chính sách, chế độ cho người lao động để người lao động yên tâm sản xuất và gắn bó lâu dài với công ty. Đưa ra những chính sách khen thưởng, phúc lợi thích hợp nhằm động viên khuyến khích CBCNV có thành tích tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về công tác an toàn vệ sinh lao động, kỹ thuật an toàn về nổ mìn, kiểm định máy móc thiết bị kịp thời, đúng thời hạn theo quy định.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Tập huấn định kỳ phương án phòng cháy chữa cháy; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo đúng quy định và bắt buộc sử dụng trong suốt quá trình làm việc.

- Thực hiện công tác đo vẽ hiện trạng khai thác, chất lượng môi trường, giám sát chấn động nổ mìn và lập các báo cáo định kỳ tháng, quý, năm nộp các cơ quan chức năng đúng quy định hiện hành.

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản:

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
	Tổng tài sản	1.258.197.194.958	1.530.477.706.607
+	Tài sản ngắn hạn	452.028.342.015	688.957.513.081
+	Tài sản dài hạn	806.168.852.943	841.520.193.526

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

Tình hình nợ phải trả

Tính đến hết ngày 31/12/2023, tổng nợ phải trả của Công ty là 362.273.197.860 đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 327.674.729.954 đồng, nợ dài hạn là 34.598.467.906 đồng. Phát sinh chi phí Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn 163.796.382.011 đồng, vay và nợ thuê tài chính dài hạn 30.946.750.000 đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, ổn định công tác nhân sự, tăng cường sự phối hợp giữa các phòng ban.

Thắt chặt công tác quản lý chi phí, tăng cường công tác thu hồi công nợ, tránh lãng phí.

Chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Luôn đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, các biện pháp bảo vệ môi trường tránh ảnh hưởng đến môi trường xung quanh mỏ.

Ban lãnh đạo luôn quan tâm phát triển năng lực quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các cán bộ điều hành. Đồng thời, trọng dụng, đãi ngộ cũng như tạo điều kiện nâng cao tay nghề cho người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP thống nhất đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 trình Đại hội, cụ thể:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024
1	Khối lượng sản xuất (Tấn)	2.160.000
2	Khối lượng tiêu thụ (Tấn)	2.082.860
3	Tổng doanh thu (Đồng)	600.000.000.000
4	Tổng chi phí (Đồng)	515.000.000.000
5	Tổng lợi nhuận trước thuế (Đồng)	85.000.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế (Đồng)	68.000.000.000

Để đạt được kế hoạch đề ra như trên, trong năm 2024 Ban Tổng giám đốc phải thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Tiếp tục mở rộng mối quan hệ với đối tác, đẩy mạnh công tác bán hàng, tiếp cận sát sao các dự án, công trình của các chủ đầu tư trong và ngoài tỉnh để gia tăng sản lượng tiêu thụ từ những công trình thi công xây dựng hạ tầng, dân dụng, phát huy thế mạnh kinh doanh chính của Công ty, đồng thời từng bước triển khai kinh doanh bất động sản.
- Nâng cao hơn nữa năng lực quản lý của Ban điều hành, tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ công nhân viên, đặc biệt là nguồn nhân lực phục vụ thi công xây dựng; tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả.
- Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro xuyên suốt toàn bộ quá trình khai thác, sản xuất kinh doanh nhằm tối ưu hóa tất cả hoạt động, tiết kiệm chi phí hiệu quả.
- Tiếp tục quản lý chặt chẽ và tuân thủ quy định pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy.
- Tiếp tục vận hành, tổ chức quản lý sản xuất hiệu quả Dự án đầu tư mở rộng công trình khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá Rạch Rạt. Đồng thời chú trọng công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, quản lý vật tư.
- Theo dõi sát tình hình thị trường, đánh giá đúng tình hình thực tiễn hoạt động của Công ty, để chủ động báo cáo kịp thời, đầy đủ những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đề ra giải pháp hiệu quả, tham mưu kịp thời cho Hội đồng quản trị

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (Không có).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phối hợp cơ quan chức năng tổ chức đo chấn động, tiếng ồn, nồng độ bụi, thử mẫu nước thải, nước sinh hoạt theo đúng quy định, thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường xung quanh mỏ, tuân thủ quy định về xử lý chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt.

Tiếp tục sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai nhiều số nhằm giảm chấn động và chất liệu nổ thân thiện với môi trường. Triển khai các công tác đo vẽ hiện trạng khai thác, chất lượng môi trường, giám sát chấn động nổ mìn và lập các báo cáo định kỳ tháng, quý, năm nộp các cơ quan chức năng đúng quy định.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định đối với người lao động (các loại hình bảo hiểm, ốm đau, thai sản, bảo hộ lao động...).

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cấp phát bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật hàng tháng; thăm hỏi, hỗ trợ CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách; khen thưởng các cháu thiếu nhi có thành tích học tập tốt...

Đảm bảo tiền lương, công việc ổn định, thường xuyên quan tâm đến chính sách, phúc lợi cho người lao động.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP đã thực hiện một số hoạt động góp phần chia sẻ một phần khó khăn chung với cộng đồng như: Tặng quà cho các gia đình khó khăn và các hộ dân sống gần khu vực mỏ nhân dịp Tết Nguyên Đán.





**ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ
HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Công tác an toàn vệ sinh lao động được Công ty thực hiện tốt tại các bộ phận. Tất cả cán bộ công nhân viên định kỳ tham gia các khóa học và được cấp giấy chứng nhận về ATLĐ, PCCC đầy đủ.

Máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được kiểm định định kỳ theo quy định hiện hành. Trang bị đầy đủ trang phục, thiết bị BHLĐ theo quy định và bắt buộc người lao động phải sử dụng suốt quá trình làm việc.

Công ty luôn đặc biệt chú ý tới việc quản lý và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đúng quy định.

Thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường xung quanh mỏ, tuân thủ quy định về xử lý chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt....

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Tổng giám đốc và các người điều hành khác trên nhiều phương diện nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển bền vững.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng giám đốc và Ban điều hành đã nỗ lực hết mình trong việc kiểm soát giá thành, giá bán cũng như công tác thu hồi công nợ. Chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, đề ra những biện pháp kịp thời để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời tăng công suất khai thác, sản lượng sản xuất và tiêu thụ.
- Tổng doanh thu là 476.856.537.113 đồng, lợi nhuận trước thuế là 65.834.795.086 đồng và lợi nhuận sau thuế 52.667.707.418 đồng.
- Tổng tài sản là 1.530.477.706.607 đồng, tăng 122% so với năm 2022%; vốn chủ sở hữu là 1.168.204.508.747 đồng, tăng 105% so với năm 2022.

Trong công tác quản trị doanh nghiệp:

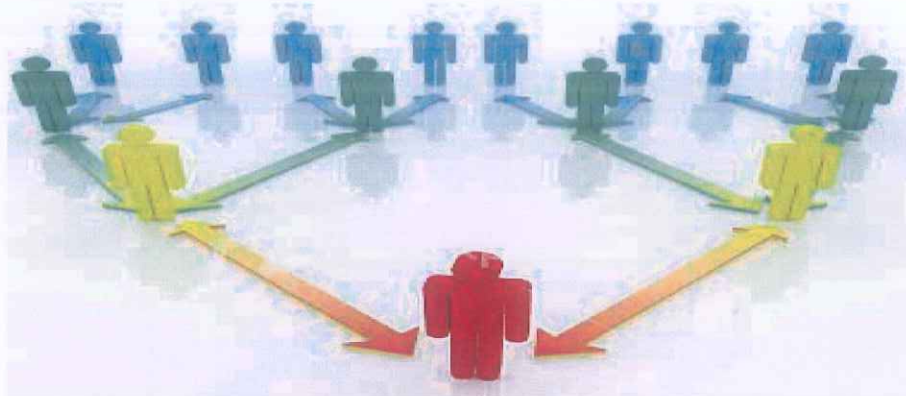
- Tổng giám đốc và Ban điều hành không ngừng tư duy sáng tạo, hoàn thiện đổi mới cách thức làm việc, các quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó tạo ra những phương pháp quy trình làm việc khoa học góp phần nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh.
- Hoạch định chiến lược rõ ràng làm kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động của nhân viên Công ty.
- Kiểm soát toàn bộ tình hình tài chính, kịp thời phân tích, đánh giá để đưa ra các quyết định quan trọng trong công tác điều hành.
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận, hoàn thiện chính sách cho người lao động.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Kiểm soát chặt chẽ hàng hóa kết hợp nắm bắt nhu cầu cung ứng của khách hàng để đưa ra các phương án điều chỉnh trong sản xuất, bán hàng phù hợp.
- Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, Ban điều hành cần nâng cao hơn nữa năng lực quản lý, theo dõi sát sao và tăng tính dự báo, phân tích tình hình thị trường để đề ra những giải pháp tham mưu hiệu quả các vấn đề cấp bách cho Hội đồng quản trị.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Cập nhật sát sao tình hình tiến độ thi công của các công trình để có kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời và đưa ra những chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh hiệu quả.
- Đẩy mạnh hoạt động bán hàng, đa dạng hóa đối tượng khách hàng. Tiếp tục mở rộng thị trường kinh doanh, phát huy thế mạnh những lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, giá thành, hoạt động khai thác, kết hợp nâng cao chất lượng sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh, khẳng định thương hiệu của Công ty trên thị trường vật liệu xây dựng trong khu vực.
- Nâng cao năng lực quản trị công ty, tìm hiểu và phát huy những công nghệ mới trong khai thác - sản xuất, cũng như áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý, điều hành nhằm đem lại kết quả tối ưu.
- Triển khai, giám sát việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu đúng với phương án đã công bố.
- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực tài chính: khai thác hiệu quả các nguồn vốn, quỹ hiện có; đồng thời nâng cao khả năng phân tích, dự báo tình hình thị trường để nắm bắt cơ hội kinh doanh.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Thời điểm
1	Ông: Ngô Anh Quân	Chủ tịch HĐQT không điều hành	Được bầu từ ngày 28/4/2023
2	Ông: Nguyễn Bảo Long	Thành viên HĐQT	Được bầu từ ngày 28/4/2023
3	Ông: Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT không điều hành	Được bầu từ ngày 28/4/2023 Xin từ nhiệm từ ngày 10/11/2023
4	Ông: Hà Đình Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành	Bầu bổ sung từ ngày 10/11/2023
5	Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên HĐQT	Được bầu từ ngày 28/4/2023
6	Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên HĐQT	Bầu từ ngày 28/4/2023

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 15 cuộc họp, các nội dung biểu quyết thông qua đều có tính thống nhất cao của tất cả thành viên Hội đồng quản trị.

Stt	Nội dung cuộc họp
1	Thông qua việc hủy các Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai tại Khu đất ở Bắc Ninh.
2	Thông qua việc hủy các Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai tại Khu đất ở Bắc Ninh.
3	Thông qua việc hủy các Văn bản ủy quyền định đoạt các thửa đất ở Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát.
4	Thông qua việc thiết lập quan hệ tín dụng, dịch vụ ngân hàng khác với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ.
5	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
6	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và dự thảo, chương trình, tài liệu đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
7	Thông qua việc bầu chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP nhiệm kỳ IV (2023-2028)
8	Thông qua về việc thiết lập quan hệ tín dụng và dịch vụ ngân hàng khác tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Stt	Nội dung cuộc họp
9	Thông qua về việc thuê tài sản của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công thương Việt Nam – CN.TPHCM
10	Thông qua về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
11	Thông qua về nội dung của Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết
12	Thông qua việc đầu tư tài sản và thiết lập quan hệ tín dụng, dịch vụ ngân hàng khác với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai
13	Thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, người có liên quan của Công ty
14	Thông qua việc lập văn phòng đại diện Công ty tại Hà Nội
15	Thông qua việc lập chi nhánh Công ty tại Hà Nội

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Thời điểm
1	Ông Hoàng Văn Anh	Trưởng BKS	Được bầu kể từ ngày 28/4/2023
2	Ông Phạm Huy Hậu	Thành viên BKS	Được bầu kể từ ngày 28/4/2023
3	Ông Huỳnh Đăng Khoa	Thành viên BKS	Được bầu kể từ ngày 28/4/2023
4	Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên BKS	Hết nhiệm kỳ kể từ ngày 28/4/2023

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Với nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định, BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát thông qua các hoạt động chính như sau:

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc ban hành các nghị quyết Hội đồng quản trị theo đúng chức năng, thẩm quyền theo quy định.
- Giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Kiểm tra công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm.
 - Thực hiện và giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các người điều hành khác trong việc thực hiện và tuân thủ các quy định của pháp luật, của Công ty.
 - Giám sát tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
- Giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và năm 2024, BKS tổ chức 4 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của tất cả thành viên và đã thống nhất các vấn đề sau:

- Bầu trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2023-2028).
- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023.
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán.
- Thông qua Báo cáo của BKS về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2023 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và tên	Lương năm 2023	Thưởng năm 2023	Thù lao năm 2022
I	Hội đồng quản trị	140.000.000	-	81.500.000
1	Ngô Anh Quân	-	-	19.500.000
2	Đỗ Mạnh Cường	-	-	15.500.000
3	Nguyễn Bảo Long	-	-	15.500.000
4	Nguyễn Thị Thúy Vân	140.000.000	-	15.500.000
5	Nguyễn Thị Loan	-	-	15.500.000
II	Ban kiểm soát	-	-	35.500.000
1	Hoàng Văn Anh	-	-	15.500.000
2	Phạm Huy Hậu	-	-	10.000.000
3	Huỳnh Đăng Khoa	-	-	10.000.000
III	Ban Tổng giám đốc	719.680.120	-	-
1	Nguyễn Bảo Long	427.950.769	-	-
2	Đào Huỳnh Kim	291.729.351	-	-

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

S T T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC			Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, Bình Dương	01/03/2023		Phụ lục bổ sung khối lượng và điều chỉnh giá trị cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, tổng: 1.535.566.197 đồng
					01/03/2023		Phụ lục bổ sung khối lượng và điều chỉnh giá trị cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, tổng: 2.604.279.749 đồng
					19/04/2023		Phụ lục bổ sung khối lượng và điều chỉnh giá trị cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại thành phố Thuận An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, tổng: 6.614.062.178 đồng
					19/04/2023	Nghị quyết HĐQT số 22/2022/NQ-HQĐT ngày 20/12/2022	Phụ lục bổ sung khối lượng và điều chỉnh giá trị cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại thành phố Thuận An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, tổng: 4.983.689.653 đồng
					19/04/2023		Phụ lục bổ sung khối lượng và điều chỉnh giá trị cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại thành phố Thuận An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, tổng: 6.823.830.936 đồng
					19/04/2023		Phụ lục bổ sung khối lượng và điều chỉnh giá trị cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại thành phố Thuận An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, tổng: 8.108.621.530 đồng
					19/04/2023		Phụ lục bổ sung khối lượng và điều chỉnh giá trị cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại thành phố Thuận An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, tổng: 8.432.621.315 đồng



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

S T T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HDQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	3700926112 13/11/2023 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, Bình Dương	19/04/2023	Nghị quyết HDQT số 22/2022/NQ-HDQT ngày 20/12/2022	Phụ lục bổ sung khối lượng và điều chỉnh giá trị cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại thành phố Thuận An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, tổng: 6.738.951.728 đồng
					19/04/2023		Phụ lục bổ sung khối lượng và điều chỉnh giá trị cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại thành phố Thuận An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, tổng: 10.339.260.685 đồng
					19/04/2023		Phụ lục bổ sung khối lượng và điều chỉnh giá trị cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại thành phố Thuận An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, tổng: 1.424.974.208 đồng
					03/02/2023		Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, Bình Dương: 11.578.564.525 đồng
					08/02/2023		Phụ lục điều chỉnh điều khoản thanh toán cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
					19/04/2023		Phụ lục điều chỉnh đơn giá, nội dung công việc, giá trị hợp đồng cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, Bình Dương, tổng: 12.499.658.391 đồng
					03/02/2023		Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, Bình Dương: 19.483.332.972 đồng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

S T T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HDQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	3700926112 13/11/2023 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, Bình Dương	28/02/2023	Nghị quyết HDQT số 22/2022/NQ-HDQT ngày 20/12/2022	Phụ lục điều chỉnh điều khoản thanh toán cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
					19/04/2023		Phụ lục điều chỉnh đơn giá, nội dung công việc, giá trị hợp đồng cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, Bình Dương, tổng: 21.033.264.177 đồng
					03/02/2023		Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương: 23.719.755.561 đồng
					28/02/2023		Phụ lục điều chỉnh điều khoản thanh toán cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
					19/04/2023		Phụ lục điều chỉnh đơn giá, nội dung công việc, giá trị hợp đồng cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, tổng: 25.606.701.155 đồng
					20/04/2023		Phụ lục bổ sung khối lượng công việc, giá trị hợp đồng cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, tổng: 25.812.685.300 đồng
					03/02/2023		Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại Thành Phố Thuận An, Thành Phố Dĩ An - Tỉnh Bình Dương: 5.786.352.480 đồng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

S T T	Tên tổ chức/c á nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HDQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	3700926112 13/11/2023 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, Bình Dương	28/02/2023		Phụ lục điều chỉnh điều khoản thanh toán cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại Thành Phố Thuận An, Thành Phố Dĩ An -tỉnh Bình Dương
					19/04/2023		Phụ lục điều chỉnh đơn giá, nội dung công việc, giá trị hợp đồng cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại Thành Phố Thuận An, Thành Phố Dĩ An - Tỉnh Bình Dương, tổng: 6.247.762.773 đồng
					03/02/2023		Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại Thành Phố Thuận An, Thành Phố Dĩ An - Tỉnh Bình Dương: 8.095.546.136 đồng
					28/02/2023	Nghị quyết HDQT số 22/2022/NQ- HDQT ngày 20/12/2022	Phụ lục điều chỉnh điều khoản thanh toán cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại Thành Phố Thuận An, Thành Phố Dĩ An - Tỉnh Bình Dương
					19/04/2023		Phụ lục điều chỉnh đơn giá, nội dung công việc, giá trị hợp đồng cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại Thành Phố Thuận An, Thành Phố Dĩ An - Tỉnh Bình Dương, tổng: 8.741.094.143 đồng
					21/02/2023		Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương: 12.885.696.923 đồng
					27/03/2023		Phụ lục điều chỉnh loại bê tông nhựa cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
					03/01/2023		Phụ lục bổ sung khối lượng công việc, điều chỉnh giá trị hợp đồng cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, tổng: 15.497.865.339 đồng.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

S T T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	3700926112 13/11/2023 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, Bình Dương	03/01/2023	Nghị quyết HĐQT số 22/2022/NQ-HĐQT ngày 20/12/2022	Hợp đồng thi công vỉa hè - Đường Bàu Bàng Hồ Chí Minh tại Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương: 6.032.443.669 đồng
					28/02/2023		Phụ lục điều chỉnh điều khoản thanh toán cho Hợp đồng đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
					30/05/2023		Hợp đồng mua bán đá, cát, nhựa, dầu: 8.437.405.350 đồng
					02/01/2023		Hợp đồng thuê máy xúc lật bánh lốp: 19.289.600 đồng/tháng
					02/01/2023		Hợp đồng thuê xe tải bê tông nhựa: 95.000.000 đồng /tháng
					02/01/2023		Hợp đồng thuê xe đào bánh lốp: 20.000.000 đồng/tháng
					09/05/2023		Hợp đồng cung cấp cống và các cấu kiện: 1.722.590.155 đồng
					02/01/2023		Hợp đồng mua bán xi măng (tổng giá trị hợp đồng dựa vào khối lượng giao nhận thực tế nhân với đơn giá từng loại được hai bên thỏa thuận)
					17/3/2023		Phụ lục điều chỉnh phương thức thanh toán của Hợp đồng mua bán xi măng cho hợp đồng đã ký.
					02/01/2023		Mua bán đá xây dựng (tổng giá trị hợp đồng dựa vào khối lượng giao nhận thực tế nhân với đơn giá từng loại được hai bên thỏa thuận)
15/02/2023	Phụ lục điều chỉnh phương thức thanh toán của Hợp đồng mua đá xây dựng cho hợp đồng đã ký.						
31/03/2023	Thông báo thay đổi giá đá xây dựng.						
16/3/2023	Phụ lục bổ sung khối lượng công việc, giá trị hợp đồng cho Hợp đồng thi công đường giao thông – hệ thống thoát nước tại Khu dân cư ấp 5F, Ấp 5A – Lai Uyên, tổng: 19.170.963.156 đồng						

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

S T T	Tên tổ chức/c á nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HDQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	3700926112 13/11/2023 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, Bình Dương	01/7/2023		PLHD của hợp đồng thuê xe đào bán lớp đã ký ngày 02/01/2023 bổ sung điều chỉnh đơn giá thuê trước thuế 18.181.818 đồng/tháng
					01/7/2023		PLHD của hợp đồng thuê máy xúc bán lớp đã ký ngày 02/01/2023 bổ sung điều chỉnh đơn giá thuê trước thuế 17.536.000 đồng/tháng
					01/7/2023		PLHD của hợp đồng thuê xe trải bê tông nhựa đã ký ngày 02/01/2023 bổ sung điều chỉnh đơn giá thuê trước thuế 86.363.636 đồng/tháng
					17/7/2023		Thông báo giá cổng bê tông cốt thép: 13.207.860 đồng.
					10/8/2023		PLHD của hợp đồng mua bán đá xây dựng đã ký 02/01/2023 bổ sung điều khoản thanh toán và điều chỉnh tài khoản ngân hàng.
					25/8/2023	Nghị quyết HDQT số 22/2022/NQ- HDQT ngày 20/12/2022	Hợp đồng thi công xử lý hấn lún thuộc công trình đường Mỹ Phước - Tân Vạn tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, giá trị 4.916.635.184 đồng.
					22/8/2023		PLHD của hợp đồng thi công đường giao thông, hệ thống thoát nước một số tuyến đường tại Khu dân cư ấp 5F, ấp 5 - Lai Uyên, đã ký ngày 05/10/2022 nhằm điều chỉnh tiêu chuẩn bê tông nhựa và tiến độ hợp đồng.
					28/8/2023		PLHD của hợp đồng thi công đường giao thông, hệ thống thoát nước một số tuyến đường tại Khu dân cư ấp 5F, ấp 5 - Lai Uyên, đã ký ngày 05/10/2022 nhằm bổ sung nội dung công việc và giá trị thanh toán tổng: 19.512.323.629 đồng.
26/8/2023		Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa một số tuyến đường thuộc công trình: CSHT - khu dân cư 5B, ấp 5B - Lai Uyên tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, giá trị 3.052.910.221 đồng.					

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

S T T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HDQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	3700926112 13/11/2023 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, Bình Dương	05/10/2023	Nghị quyết HDQT số 22/2022/NQ-HDQT ngày 20/12/2022	PLHĐ của hợp đồng thi công xử lý nền lún thuộc công trình đường Mỹ Phước - Tân Vạn đã ký 25/8/2023 nhằm bổ sung nội dung công việc và giá trị thanh toán, tổng: 5.038.714.064 đồng.
					25/10/2023		PLHĐ của hợp đồng thi công thảm bê tông nhựa thuộc công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT743, đã ký ngày 03/02/2023 nhằm bổ sung nội dung công việc và giá trị thanh toán, tổng: 9.393.308.201 đồng.
					31/10/2023		Hợp đồng cung cấp cổng tròn bê tông cốt thép, giá trị 8.672.078.117 đồng.
					07/12/2023		Hợp đồng thi công xây dựng cải tạo đường NA3 khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Thị xã Bến Cát, Bình Dương, giá trị: 9.577.872.963 đồng.
2	Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	3701799724 08/11/2023 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Thửa đất số 350, Tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, Phú Giáo, Bình Dương	02/01/2023	Nghị quyết HDQT số 22/2022/NQ-HDQT ngày 20/12/2022	Hợp đồng dịch vụ khoan đá (tổng giá trị hợp đồng dựa vào khối lượng thực hiện công việc thực tế nhân với đơn giá được hai bên thỏa thuận)
					02/01/2023		Hợp đồng thuê xe ủi bánh xích: 20.000.000 đồng/tháng
					02/01/2023		Hợp đồng mua bán đá xây dựng (tổng giá trị hợp đồng dựa vào khối lượng giao nhận thực tế nhân với đơn giá từng loại được hai bên thỏa thuận)
					05/05/2023		Hợp đồng mua bán đá Granite - Granodiorit (tổng giá trị hợp đồng dựa vào khối lượng giao nhận thực tế nhân với đơn giá từng loại được hai bên thỏa thuận)
12/05/2023	Hợp đồng mua bán đá xây dựng (tổng giá trị hợp đồng dựa vào khối lượng giao nhận thực tế nhân với đơn giá từng loại được hai bên thỏa thuận)						

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

S T T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCB/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
3	Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	3700696042 23/01/2015 Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương	Đường TC3, Tổ 6, Khu phố 3, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	29/9/2023 02/10/2023	Nghị quyết HĐQT số 22/2022/NQ-HĐQT ngày 20/12/2022	Hợp đồng khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, giá trị 31.386.000 đồng. PLHĐ của hợp đồng khám sức khỏe định kỳ bổ sung nội dung công việc giá trị 5.443.000 đồng

Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP luôn thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2023**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bình Dương, tháng 03 năm 2024

MS/K 1/2.11

MA K 1/2.11

1/2.11 1/2.11 1/2.11

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 33

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Anh Quân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bảo Long	Thành viên, Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/11/2023)
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thủy Vân	Thành viên
Ông Hà Đình Hùng	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 10/11/2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Bảo Long
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Số: 86/2024/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ông Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 04 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1396-2023-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		688.957.513.081	452.028.342.015
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	46.397.289.524	19.602.344.638
1. Tiền	111		46.397.289.524	19.602.344.638
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	2.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		484.649.579.815	67.257.656.993
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	80.649.712.129	6.986.565.263
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	13.021.245.015	12.644.762.545
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	338.350.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	53.249.664.653	48.236.669.221
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(621.041.982)	(610.340.036)
IV. Hàng tồn kho	140	12	155.801.736.352	361.483.764.534
1. Hàng tồn kho	141		155.801.736.352	361.483.764.534
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		108.907.390	1.684.575.850
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	108.907.390	373.782.334
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.310.793.516
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		841.520.193.526	806.168.852.943
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.809.117.906	3.433.227.614
1. Phải thu dài hạn khác	216	10	4.809.117.906	3.433.227.614
II. Tài sản cố định	220		106.658.624.492	73.932.220.743
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	74.442.183.723	73.926.310.990
- Nguyên giá	222		126.248.302.454	116.693.005.768
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.806.118.731)	(42.766.694.778)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	16	32.216.440.769	-
- Nguyên giá	225		32.995.501.214	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(779.060.445)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	17	-	5.909.753
- Nguyên giá	228		185.000.000	185.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(185.000.000)	(179.090.247)
III. Bất động sản đầu tư	230	18	8.583.892.372	8.583.892.372
- Nguyên giá	231		8.583.892.372	8.583.892.372
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		697.500.000.000	697.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	697.500.000.000	697.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		23.968.558.756	22.719.512.214
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	23.968.558.756	22.719.512.214
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.530.477.706.607	1.258.197.194.958

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		362.273.197.860	142.269.481.385
I. Nợ ngắn hạn	310		327.674.729.954	123.697.753.771
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	133.414.883.371	17.561.303.384
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	19.640.774.402	72.420.516.652
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	7.432.492.091	4.708.733.811
4. Phải trả người lao động	314		1.132.259.475	950.499.144
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	1.431.534.830	3.394.489.192
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	24	628.969.624	297.595.759
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	163.796.382.011	23.303.717.166
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		197.434.150	1.060.898.663
II. Nợ dài hạn	330		34.598.467.906	18.571.727.614
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	30.946.750.000	15.138.500.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	3.651.717.906	3.433.227.614
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.168.204.508.747	1.115.927.713.573
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	1.168.204.508.747	1.115.927.713.573
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.049.999.780.000	1.049.999.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.049.999.780.000	1.049.999.780.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1.370.600.000)	(1.370.600.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.926.344.094	12.926.344.094
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		106.648.984.653	54.372.189.479
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		53.981.277.235	28.311.373.202
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		52.667.707.418	26.060.816.277
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.530.477.706.607	1.258.197.194.958

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập


Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


 Phan Minh Tiến


 Đào Huỳnh Kim




 Nguyễn Bảo Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	454.133.802.239	200.613.152.592
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		454.133.802.239	200.613.152.592
4. Giá vốn hàng bán	11	28	372.929.077.875	163.273.808.429
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.204.724.364	37.339.344.163
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	14.554.660.621	9.643.364.599
7. Chi phí tài chính	22	30	11.996.665.282	1.493.001.058
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.996.665.282	1.493.001.058
8. Chi phí bán hàng	25	31	15.715.823.292	4.309.584.887
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	9.802.118.796	8.023.229.372
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58.244.777.615	33.156.893.445
11. Thu nhập khác	31	32	8.168.074.253	1.653.894.297
12. Chi phí khác	32	33	578.056.782	1.875.412.635
13. Lợi nhuận khác	40		7.590.017.471	(221.518.338)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65.834.795.086	32.935.375.107
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	13.167.087.668	6.874.558.830
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		52.667.707.418	26.060.816.277
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	502	128

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Phan Minh Tiến


Đào Huỳnh Kim



Nguyễn Bảo Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị ffnh: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	65.834.795.086	32.935.375.107
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10.041.875.365	6.714.070.559
- Các khoản dự phòng	03	10.701.946	64.046.049
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.574.828.971)	(9.834.260.599)
- Chi phí lãi vay	06	11.996.665.282	1.493.001.058
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	73.309.208.708	31.372.232.174
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(66.608.590.108)	(47.547.392.816)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	205.682.028.182	(279.469.382.493)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	63.875.517.222	46.730.960.532
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(984.171.598)	26.923.329.424
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.713.080.554)	(1.493.001.058)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.564.840.351)	(4.756.157.485)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.124.072.676)	(832.795.546)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	249.871.998.825	(229.072.207.268)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(32.610.981.134)	(32.278.633.053)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	20.168.350	190.896.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(421.500.000.000)	(646.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	83.150.000.000	644.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(551.800.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.710.844.000	8.664.331.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(356.229.968.784)	(577.223.406.053)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	749.999.780.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	231.093.303.684	57.977.589.304
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(96.493.638.839)	(30.219.784.315)
4. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(1.446.750.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	133.152.914.845	777.757.584.989
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	26.794.944.886	(28.538.028.332)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	19.602.344.638	48.140.372.970
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	46.397.289.524	19.602.344.638

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng



Phan Minh Tiến

Đào Huỳnh Kim

Nguyễn Bảo Long

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Khai thác Khoáng sản trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP) theo Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 13/11/2023 với mã số doanh nghiệp là 3700927878.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08 ngày 13/11/2023, vốn điều lệ của Công ty là 1.049.999.780.000 VND, được chia thành 104.999.978 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Hiện tại, cổ phiếu của Công ty hiện đang được đăng ký giao dịch tại Sàn giao dịch các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) với mã giao dịch là BMJ.

Số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 89 người (tại ngày 31/12/2022 là 77 người).

Công ty có địa chỉ trụ sở chính tại số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và 01 Văn phòng đại diện tại số 45 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác khoáng sản (trừ khai thác cát);
- Sản xuất vật liệu xây dựng; kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Mua bán vật liệu xây dựng, khoáng sản;
- San lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư và đô thị;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng;
- Dịch vụ nhà ở công nhân;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh số 4.7.

4.5. Các khoản cho vay

Phản ánh các khoản cho vay bằng hợp đồng, thỏa thuận vay giữa hai bên có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi phát sinh.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (nếu có).

Dự phòng đối với các khoản cho vay có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh số 4.7.

4.6. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận, riêng đối với cổ tức nhận được bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư góp vốn khác là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư hoặc phần sở hữu của Công ty tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư được trích lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định theo Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho thông thường

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán hoặc cho thuê dài hạn đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu một lần trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Giá thành của hàng tồn kho bất động sản bao gồm chi phí tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thuê khác, chi phí xây dựng trả cho nhà thầu và các chi phí liên quan khác bao gồm: Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá trị thị trường vào ngày báo cáo và trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 11
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 08 năm.

4.10. Tài sản thuê tài chính

Thuê tài sản được xác định là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Công ty ghi nhận nguyên giá tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (nếu giá trị này thấp hơn giá trị hợp lý) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính phù hợp với các quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là Dây chuyền máy nghiền đá công suất 400 tấn/h với thời gian khấu hao là 12 năm.

4.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là 3 căn nhà tại Khu Phố Thương mại UNI-TOWN, Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê giá.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị tổn thất do suy giảm giá trị. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: phí cấp quyền khai thác khoáng sản; giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Trong đó:

- Phí cấp quyền khai thác khoáng sản: Phí cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định dựa trên số tiền đã nộp theo Quyết định về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá xây dựng Rạch Rạt, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương số 1782/QĐ-UBND ngày 21/06/2019 của UBND tỉnh Bình Dương. Phí cấp quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo thời gian khai thác trên giấy phép khai thác.
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 01 năm (chi phí trả trước ngắn hạn) và không quá 03 năm (chi phí trả trước dài hạn).

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.14. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay và nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ; từng kế ước vay, nợ và từng loại tài sản vay, nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn". Các khoản vay và nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn".

4.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: Chi phí lãi vay và một số chi phí khác.

4.17. Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.18. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác, cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

10
 CC
 CC
 O/
 IẾI
 f
 AC

1
 1
 1
 1
 1
 1

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty chưa trình bày các thuyết minh liên quan đến công cụ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

4.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	2.707.361.761	2.980.301.514
Tiền gửi ngân hàng	43.689.927.763	16.622.043.124
Cộng	46.397.289.524	19.602.344.638

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty tại ngày 31/12/2023 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 5%/năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ và được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Phương Đông Tường.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	7.884.617.848	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	7.884.617.848	-
Phải thu khách hàng khác	72.765.094.281	6.986.565.263
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	59.645.904.909	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Đại Phong	4.016.576.257	-
Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Nam Hoàng Ngân	289.397.056	3.209.823.362
Công ty TNHH MTV Phụng Tân Tiến	1.205.634.961	1.360.000.327
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Phúc Quân	-	760.780.710
Các khách hàng khác	7.607.581.098	1.655.960.864
Cộng	80.649.712.129	6.986.565.263

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	13.021.245.015	12.644.762.545
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản và Xây dựng Nguyên Việt	9.978.660.000	-
Công ty TNHH Hoàng Long Tín	2.794.176.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng C BHI	-	5.374.183.071
Công ty Cổ phần Đầu tư ACG Việt Nam	-	4.732.548.632
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Hồng Hà	-	2.449.445.687
Các nhà cung cấp khác	248.409.015	88.585.155
Cộng	13.021.245.015	12.644.762.545

9. PHẢI THU TỪ CHO VAY

Là khoản cho vay cá nhân theo các hợp đồng cho vay có thời hạn 3 tháng và tự động gia hạn không quá 2 lần kể từ ngày vay. Các khoản vay được sử dụng để phục vụ hoạt động kinh doanh của bên đi vay với lãi suất 6,5%/năm và được bảo đảm bởi tài sản hợp pháp của bên thứ 3.

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	53.249.664.653	-	48.236.669.221	-
Tạm ứng	5.422.199.880	-	2.039.307.600	-
Phải thu lãi tiền ký quỹ phục hồi môi trường	571.471.621	-	571.471.621	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương (i)	45.000.000.000	-	45.000.000.000	-
Thuế GTGT tương ứng gốc nợ thuê tài chính	1.607.500.001	-	-	-
Phải thu khác	648.493.151	-	625.890.000	-
Dài hạn	4.809.117.906	-	3.433.227.614	-
Ký quỹ phục hồi môi trường	3.651.717.906	-	3.433.227.614	-
Ký cược, ký quỹ	1.157.400.000	-	-	-
Cộng	58.058.782.559	-	51.669.896.835	-

(i) Khoản chuyển tiền theo các Biên bản làm việc giữa Công ty và Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương để đảm bảo nghĩa vụ cho việc thực hiện đề xuất và ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư và hợp đồng chuyển nhượng dự án Trường Liên cấp song ngữ tại Khu đất ký hiệu DV-DT/GD tại Khu dân cư Ấp 4 Thới Hòa, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Do tình hình kinh tế chung năm 2023 còn nhiều khó khăn nên Công ty và đối tác sẽ xác định thời điểm thích hợp để triển khai dự án nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất cho Công ty.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	108.907.390	373.782.334
Chi phí sửa chữa	94.653.333	349.795.000
Chi phí khác	14.254.057	23.987.334
Dài hạn	23.968.558.756	22.719.512.214
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	17.776.302.255	15.263.502.265
Công cụ dụng cụ, phụ tùng	625.847.823	245.454.539
Chi phí khác	5.566.408.678	7.210.555.410
Cộng	24.077.466.146	23.093.294.548

12. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	485.421.407	-	389.601.328	-
Công cụ, dụng cụ	963.040.028	-	1.075.130.584	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (1)	80.343.969.714	-	287.088.998.070	-
Thành phẩm	6.541.829.318	-	11.788.034.552	-
Hàng hoá	67.467.475.885	-	61.142.000.000	-
- Hàng hóa bất động sản (2)	61.142.000.000	-	61.142.000.000	-
- Hàng hóa khác	6.325.475.885	-	-	-
Cộng	155.801.736.352	-	361.483.764.534	-

(1) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đá thành phẩm dở dang	249.296.294	233.837.855
Dự án Bất động sản Tân Định (i)	67.364.500.000	67.364.500.000
Dự án Bất động sản VSIP (ii)	-	195.662.000.000
Dự án cơ sở hạ tầng, xây dựng dân dụng khác	12.730.173.420	23.828.660.215
Cộng	80.343.969.714	287.088.998.070

Là giá trị quyền sử dụng một số lô đất Công ty đã nhận chuyển nhượng từ năm 2021 tại phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nhằm phục vụ cho kế hoạch đầu tư, phát triển dự án bất động sản trong thời gian tới của Công ty.

(i) Công ty đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng bất động sản hình thành trong tương lai của Dự án Bất động sản VSIP từ các đối tác trong quý 4 năm 2022. Tuy nhiên, do chậm trễ trong việc bàn giao nhà theo thỏa thuận nên Công ty và các đối tác đã làm việc và thống nhất hủy giao dịch chuyển nhượng bất động sản này. Các đối tác đã hoàn trả lại toàn bộ tiền cho Công ty trong tháng 4 năm 2023, đồng thời phải chịu một khoản phạt với tổng giá trị 5.869.860.000 đồng tương ứng 3% tổng số tiền Công ty đã thanh toán cho đối tác. Công ty đã ghi nhận khoản thu nhập này vào chỉ tiêu Thu nhập khác.

(2) Hàng hóa bất động sản là các lô đất thuộc phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất của các lô đất này đang được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

13. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Thời gian quá hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị VND	Giá gốc VND	Giá trị VND
Năm				
> 3 năm	230.153.496	- (230.153.496)	230.153.496	- (230.153.496)
> 3 năm	380.186.540	- (380.186.540)	380.186.540	- (380.186.540)
> 3 năm	10.701.946	- (10.701.946)	10.701.946	10.701.946
Cộng	621.041.982	- (621.041.982)	621.041.982	10.701.946 (610.340.036)

14. ĐẦU TƯ VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Tỷ lệ sở hữu biểu quyết	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	18,2%	697.500.000.000	18,2%	697.500.000.000
Cộng		697.500.000.000		697.500.000.000

Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương có lãi nên Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng không phát sinh tổn thất từ khoản đầu tư vào công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ										
Tại ngày 01/01/2023	4.915.241.668	100.356.215.032	11.239.484.068	182.065.000	116.693.005.768					
Mua trong năm	-	7.411.160.000	2.305.667.900	55.950.000	9.772.777.900					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(217.481.214)	-	(217.481.214)					
Tại ngày 31/12/2023	4.915.241.668	107.767.375.032	13.327.670.754	238.015.000	126.248.302.454					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ										
Tại ngày 01/01/2023	4.726.603.740	30.610.313.588	7.247.712.450	182.065.000	42.766.694.778					
Khấu hao trong năm	116.434.154	8.324.712.560	805.500.951	10.257.502	9.256.905.167					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(217.481.214)	-	(217.481.214)					
Tại ngày 31/12/2023	4.843.037.894	38.935.026.148	7.835.732.187	192.322.502	51.806.118.731					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI										
Tại ngày 01/01/2023	188.637.928	69.745.901.444	3.991.771.618	-	73.926.310.990					
Tại ngày 31/12/2023	72.203.774	68.832.348.884	5.491.938.567	45.692.498	74.442.183.723					
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	3.042.599.981	14.665.295.245	3.448.548.862	182.065.000	21.338.509.088					
Nguyên giá TSCĐ không sử dụng	1.872.641.667	8.393.858.661	2.177.455.390	-	12.443.955.738					
Giá trị còn lại của TSCĐ đảm bảo cho các khoản vay	-	54.559.236.770	-	-	54.559.236.770					

(Handwritten signature)

16. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2023	-	-
Thuê trong năm	32.995.501.214	32.995.501.214
Tại ngày 31/12/2023	32.995.501.214	32.995.501.214
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2023	-	-
Khấu hao trong năm	779.060.445	779.060.445
Tại ngày 31/12/2023	779.060.445	779.060.445
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	-	-
Tại ngày 31/12/2023	32.216.440.769	32.216.440.769

17. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2023	185.000.000	185.000.000
Tại ngày 31/12/2023	185.000.000	185.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2023	179.090.247	179.090.247
Khấu hao trong năm	5.909.753	5.909.753
Tại ngày 31/12/2023	185.000.000	185.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	5.909.753	5.909.753
Tại ngày 31/12/2023	-	-
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng</i>	185.000.000	185.000.000

18. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2023 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2023 VND
Nguyên giá	8.583.892.372	-	-	8.583.892.372
Nhà cửa	8.583.892.372	-	-	8.583.892.372
Tồn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
Giá trị còn lại	8.583.892.372	-	-	8.583.892.372
Nhà cửa	8.583.892.372	-	-	8.583.892.372

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	91.159.132.684	91.159.132.684	536.346.547	536.346.547
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	90.134.775.072	90.134.775.072	50.917.143	50.917.143
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	1.024.357.612	1.024.357.612	485.429.404	485.429.404
Các khoản phải trả người bán khác	42.255.750.687	42.255.750.687	17.024.956.837	17.024.956.837
Công ty Cổ phần Xây dựng C BHI	8.340.353.515	8.340.353.515	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư ACG Việt Nam	6.704.737.994	6.704.737.994	-	-
Công ty TNHH MTV Phụng Tân Tiến	245.023.586	245.023.586	674.378.454	674.378.454
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Phương Đông Tường	1.159.028.913	1.159.028.913	2.284.456.600	2.284.456.600
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Thanh Bình	677.482.474	677.482.474	2.233.716.535	2.233.716.535
Công ty TNHH MTV Thịnh Phát Bình Phước	3.422.088.242	3.422.088.242	2.076.866.286	2.076.866.286
Các nhà cung cấp khác	21.707.035.963	21.707.035.963	9.755.538.962	9.755.538.962
Cộng	133.414.883.371	133.414.883.371	17.561.303.384	17.561.303.384

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		Số đã nộp trong năm		Số phải nộp trong năm		31/12/2023	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	8.401.471.637	6.811.745.003	1.589.726.634	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.418.890.875	2.418.890.875	13.167.087.668	12.564.840.351	3.021.138.192	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	69.673.548	69.673.548	153.473.537	211.147.966	11.999.119	-	-	-
Thuế tài nguyên	2.000.441.017	2.000.441.017	11.242.661.581	10.643.744.014	2.599.358.584	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	29.630.366	29.630.366	-	-	-	-
Phí bảo vệ môi trường	219.728.371	219.728.371	2.951.404.973	2.960.863.782	210.269.562	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.500.000	3.500.000	-	-	-	-
Cộng	4.708.733.811	4.708.733.811	35.949.229.762	33.225.471.482	7.432.492.091			

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Các khoản vay ngắn hạn (21.1)	163.796.382.011	23.303.717.166
- Các khoản vay dài hạn đến hạn trả (21.1)	150.323.382.011	17.441.717.166
- Các khoản nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (21.2)	7.686.000.000	5.862.000.000
	5.787.000.000	-
Dài hạn		
- Các khoản vay dài hạn (21.1)	30.946.750.000	15.138.500.000
- Các khoản nợ thuế tài chính dài hạn (21.2)	15.032.500.000	15.138.500.000
	15.914.250.000	-
Cộng	194.743.132.011	38.442.217.166

21.1 Các khoản vay

	Trong năm				Số có khả năng trả nợ
	01/01/2023		31/12/2023		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (1)	17.441.717.166	17.441.717.166	221.993.303.684	89.111.638.839	150.323.382.011
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (2)	-	-	104.525.714.613	26.565.706.031	77.960.008.582
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (3)	17.441.717.166	17.441.717.166	86.412.740.834	62.545.932.808	41.308.525.192
Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (4)	5.862.000.000	5.862.000.000	9.206.000.000	7.382.000.000	7.686.000.000
	5.862.000.000	5.862.000.000	9.206.000.000	7.382.000.000	7.686.000.000
Vay dài hạn					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (4)	15.138.500.000	15.138.500.000	9.100.000.000	9.206.000.000	15.032.500.000
	15.138.500.000	15.138.500.000	9.100.000.000	9.206.000.000	15.032.500.000
Cộng	38.442.217.166	38.442.217.166	240.299.303.684	105.699.638.839	173.041.882.011

Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngân hàng

STT	Ngân hàng	Số hợp đồng	Hạn mức (tỷ đồng)	Mục đích	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
(1)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển - Chi nhánh Tây Hồ	Số 01/2023/2615346/HĐTD ngày 24/02/2023	100	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thời hạn vay theo từng hợp đồng cụ thể	Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất của các thửa đất tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mà Công ty nhận chuyển nhượng từ cá nhân
(2)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Số 3017417301/2022-HĐCV/HM/NHCT680-AHP ngày 12/09/2022. Văn bản sửa đổi ngày 20/10/2023; sửa đổi thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 12/09/2022 đến ngày 30/11/2023	120	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thời hạn vay theo giấy nhận nợ tối đa không quá 9 tháng	Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 01.3017417301/2021/HĐBBĐ/NHCT680-AHP ký ngày 22/12/2021 Hợp đồng thế chấp đồng sản 01.3017417301/2021/HĐBBĐ/NHCT680-AHP ngày 29/06/2021 Hợp đồng thế chấp đồng sản 02.3017417301/2021/HĐBBĐ/NHCT680-AHP ngày 30/07/2021 Hợp đồng thế chấp đồng sản số 03.3017417301/2021-HĐBBĐ/NHCT680-AHP ngày 31/12/2021
(3)	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	Số HKI-HĐTD/23115 ngày 15/09/2023	50	Mục đích sử dụng vốn vay tài trợ các nhu cầu tin dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định	Thời hạn vay theo giấy nhận nợ tối đa không quá 9 tháng	Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất của các thửa đất tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của bên thứ ba
(4)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Số 01.3017417301/2021-HĐCVCT/NHCT680-AHP ngày 30/06/2021	3,454	Mua máy móc, thiết bị	48 tháng	Hợp đồng thế chấp đồng sản số 02.3017417301/2021-HĐBBĐ/NHCT680-AHP ngày 29/06/2021
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Số 02.3017417301/2021-HĐCVCT/NHCT680-AHP ngày 17/08/2021	2,035	Mua máy móc, thiết bị	48 tháng	Hợp đồng thế chấp đồng sản số 02.3017417301/2021-HĐBBĐ/NHCT680-AHP ngày 30/07/2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Lịch trả nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	5.787.000.000	-
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	15.914.250.000	-
Cộng	21.701.250.000	-

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	1.263.629.944	43.015.027.505
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	-	42.514.515.695
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	1.263.629.944	500.511.810
Người mua trả tiền trước khác	18.377.144.458	29.405.489.147
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	-	10.219.205.575
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	17.795.234.322	18.875.589.458
Các khách hàng khác	581.910.136	310.694.114
Cộng	19.640.774.402	72.420.516.652

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	283.584.728	-
Chi phí thầu phụ công trình	-	2.893.688.257
Các khoản trích trước khác	1.147.950.102	500.800.935
Cộng	1.431.534.830	3.394.489.192

24. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	9.234.004
Thù lao HĐQT, BKS	130.304.081	-
Phải trả về cổ tức	36.815.000	36.815.000
Phải trả tiền đảm bảo hợp đồng	360.577.311	247.071.397
Các khoản phải trả khác	101.273.232	4.475.358
Cộng	628.969.624	297.595.759

25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự phòng phí cải tạo phục hồi môi trường	3.651.717.906	3.433.227.614
Cộng	3.651.717.906	3.433.227.614

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MAU SỐ B09 - DN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	300.000.000.000	(164.500.000)	11.018.991.974	31.744.607.018	342.599.098.992
Tăng vốn trong năm (1)	749.999.780.000	(1.206.100.000)	-	-	748.793.680.000
Lãi trong năm	-	-	-	26.060.816.277	26.060.816.277
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.907.352.120	(3.433.233.816)	(1.525.881.696)
Tại ngày 01/01/2023	1.049.999.780.000	(1.370.600.000)	12.926.344.094	54.372.189.479	1.115.927.713.573
Lãi trong năm	-	-	-	52.667.707.418	52.667.707.418
Phân phối lợi nhuận (2)	-	-	-	(390.912.244)	(390.912.244)
Tại ngày 31/12/2023	1.049.999.780.000	(1.370.600.000)	12.926.344.094	106.648.984.653	1.168.204.508.747

(1) Trong năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ được Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 thông qua từ 300.000.000.000 đồng lên 1.049.999.780.000 đồng. Nghị quyết Đại hội cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/11/2023 đã thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn lần 2, theo đó số vốn tăng thêm được dùng để mua cổ phần Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương, trả nợ ngân hàng trong thời gian từ quý 4/2022 đến hết quý 4/2024. Công ty đã lập kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm theo phương án điều chỉnh đã đề ra, số tiền vốn chưa sử dụng hết trong năm 2023 được sử dụng linh hoạt để tăng thêm thu nhập cho Công ty.

(2) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2023, chi tiết như sau:

- Chi trả cổ tức cho cổ đông (tỷ lệ 5% vốn điều lệ): 52.499.989.000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (tỷ lệ 1%/LNST): 260.608.163 đồng
- Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ thư ký (tỷ lệ 0,5%/LNST): 130.304.081 đồng

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/11/2023, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua hoàn tạm chi trả cổ tức năm 2022, theo đó Công ty hoàn nhập số tiền cổ tức năm 2022 đã ghi nhận trong 6 tháng đầu năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 vào chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Handwritten signatures and stamps at the bottom right of the page.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	24,23%	254.377.070.000	24,23%	254.377.070.000
Ông Nguyễn Hải Đăng	12,60%	132.275.000.000	12,60%	132.275.000.000
Ông Đào Quang Linh	5,00%	52.514.000.000	5,00%	52.514.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	4,27%	44.796.000.000	4,27%	44.796.000.000
Các cổ đông khác	53,91%	566.037.710.000	53,91%	566.037.710.000
Cộng	100%	1.049.999.780.000	100%	1.049.999.780.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	1.049.999.780.000	300.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	749.999.780.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.049.999.780.000	1.049.999.780.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	105.000.000	105.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	104.999.978	104.999.978
- Cổ phiếu phổ thông	104.999.978	104.999.978
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	104.999.978	104.999.978
- Cổ phiếu phổ thông	104.999.978	104.999.978
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	241.671.119.168	110.599.841.963
Doanh thu thi công công trình	210.850.526.765	88.758.765.181
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.612.156.306	1.254.545.448
Cộng	454.133.802.239	200.613.152.592

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	618.556.720	949.777.497
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	215.818.094.488	118.716.313.101

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa	170.885.756.845	81.805.247.876
Giá vốn thi công công trình	201.224.109.286	80.708.907.153
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	819.211.744	759.653.400
Cộng	372.929.077.875	163.273.808.429

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	169.706.621	653.143.599
Lãi cho vay	14.384.954.000	8.990.221.000
Cộng	14.554.660.621	9.643.364.599

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	11.996.665.282	1.493.001.058
Cộng	11.996.665.282	1.493.001.058

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí bán hàng	15.715.823.292	4.309.584.887
Chi phí vận chuyển	14.253.203.057	4.230.065.601
Chi phí khác bằng tiền	1.462.620.235	79.519.286
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.802.118.796	8.023.229.372
Chi phí nhân viên quản lý	6.296.041.068	5.062.598.879
Chi phí khấu hao tài sản cố định	445.124.135	401.495.307
Thuế, phí và lệ phí	3.500.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.449.771.969	1.896.410.924
Chi phí khác bằng tiền	607.681.624	659.724.262
Cộng	25.517.942.088	12.332.814.259

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu phạt vi phạm hợp đồng (1)	7.569.860.000	1.025.000.000
Thu hộ tiền điện các hộ dân	577.424.005	437.993.591
Lãi thanh lý tài sản cố định	20.168.350	190.896.000
Các khoản khác	621.898	4.706
Cộng	8.168.074.253	1.653.894.297

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(1) Bao gồm khoản phạt các nhà thầu thi công dự án VSIP do chậm tiến độ và khoản phạt các đối tác chuyển nhượng nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án VSIP do chậm trễ trong việc bàn giao nhà theo thỏa thuận (xem thêm tại Thuyết minh số 12).

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Phạt chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	1.417.799.333
Chi phí tiền điện trả thay các hộ dân	577.413.527	437.993.591
Các khoản khác	643.255	19.619.711
Cộng	578.056.782	1.875.412.635

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.742.042.680	31.299.783.402
Chi phí nhân công	15.024.918.554	11.428.724.274
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.041.875.365	6.714.070.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.854.285.606	130.004.120.784
Chi phí khác bằng tiền	25.029.491.880	10.112.487.294
Cộng	329.692.614.085	189.559.186.313

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	65.834.795.086	32.935.375.107
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	643.255	1.437.419.044
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	643.255	1.437.419.044
Thu nhập chịu thuế	65.835.438.341	34.372.794.151
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.167.087.668	6.874.558.830

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.667.707.418	26.060.816.277
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(260.608.163)
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký	-	(130.304.081)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	52.667.707.418	25.669.904.033
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	104.999.978	200.203.592
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	502	128

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2023, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của doanh nghiệp từ lợi nhuận sau thuế. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của phân phối lợi nhuận năm 2022 theo tờ trình phân phối lợi nhuận được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2023.

37. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trong năm:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	Tổng giám đốc của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Công ty này
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Tổng giám đốc của Công ty là Phó Tổng giám đốc của Công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội	Có cùng thành viên Hội đồng quản trị là ông Đỗ Mạnh Cường (là bên liên quan tính đến ngày 10/11/2023)
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Cổ đông lớn sở hữu 24,23% vốn điều lệ
Ông Nguyễn Hải Đăng	Cổ đông lớn sở hữu 12,60% vốn điều lệ

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính, trong năm Công ty có giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	139.961.244.211	46.181.519.788
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	15.339.587.556	702.943.610
Thu hộ tiền điện các hộ dân		
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	235.458.040	87.997.140
Nhận vốn góp của cổ đông		
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	-	104.922.000.000
Ông Nguyễn Hải Đăng	-	126.375.000.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Ngô Anh Quân	Chủ tịch HĐQT	-	85.800.000
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	-	68.600.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên HĐQT	140.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Thanh	Thành viên HĐQT	-	68.600.000
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên HĐQT	-	68.600.000
Ông Nguyễn Bảo Long	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	427.950.769	488.600.000
Cộng		567.950.769	780.200.000

Thông tin khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thù lao của Ban Kiểm soát	-	160.200.000

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

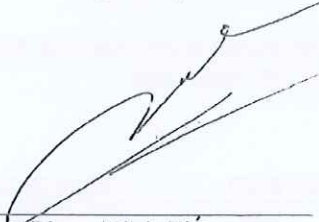
Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

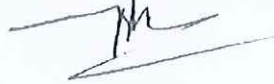
Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập



Phan Minh Tiến

Kế toán trưởng



Đào Huỳnh Kim



Nguyễn Bảo Long

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP
XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BẢO LONG

C.P. * 9m



112/125 ấp Tân Thịnh, xã An Bình
huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương



0274 3688 126



www.becamexbmj.com.vn



ahpminerals2019@gmail.com